

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: PĀLI PHÁP CÚ**

**Bài học ngày 1.9.2022**

---

## **IV. Phẩm Hoa\_ Kệ số 14 (dhp 57)**

### **Duyên sự:**

Bài kệ này đức Phật thuyết khi Ngài ngự tại Veluvana gần thành Rājagaha, nhân câu chuyện đại đức Godhika viên tịch.

Đại đức Godhika trú tại thạch động trên triền núi Isigili, vị ấy chuyên cần nhiệt tâm tinh tấn đã chứng thiền nhưng vì căn bệnh mãn tính hành xác nên đã thối thất. Hoại thiền sáu lần, đến lần thứ bảy vị ấy chán nản bỏ cuộc bèn dùng dao cạo tóc để tự vận nằm trên chiếc giường nhỏ. Khi sắp chết vị ấy triển khai tuệ quán và đắc quả lậu tận, vô dư y níp bàn tại đây.

Ác ma theo dõi tâm của đại đức Godhika từ lúc vị ấy có ý định tự sát cho đến khi viên tịch, sau đó mất dấu; ác ma cố tìm xem vị ấy tái sanh ở đâu, bèn biến thành luồng khói đen đi các hướng.

Khi đó đức Thế tôn cùng chư tỳ kheo đi đến chỗ đại đức Godhika viên tịch, Ngài chỉ cho chư tăng thấy làn khói đen toả các hướng và bảo đó là ác ma tìm kiếm thức tái sanh của tỳ kheo Godhika. Ngài nói thêm, tỳ kheo Godhika đã vô dư y níp bàn chấm dứt tái sanh nên ác ma không thể tìm thấy.

Nói rồi, đức Thế tôn thuyết bài kệ: “*Tesaṃ sampannasīlānaṃ ... māro maggaṃ na vindati*”.

\*

**Chánh văn:**      **Tesaṃ sampannasīlānaṃ**  
                         **appamādavihāriṇaṃ**  
                         **sammadaññāvimuttānaṃ**  
                         **māro maggaṃ na vindati.**

(dhp 57)

## Thích văn:

**tesam** [sở thuộc cách số nhiều nam tính của đại từ “ta”] của những người ấy, của các vị ấy.

**sampannasīlanam** [sở thuộc cách số nhiều của hợp thể danh từ **sampannasīla** (sampanna + sīla + na)] đối với những người cụ túc giới, đối với các vị viên mãn giới.

**appamādavihārinam** [sở thuộc cách số nhiều của hợp thể danh từ nam tính **appamādavihārī** (na + pamāda + viharī)] đối với những vị sống không dễ duôi, của những người sống chuyên cần.

**sammadaññāvimuttānam** [sở thuộc cách số nhiều của hợp thể danh từ nam tính **samadaññāvimutta** (samma + d + aññā + vimutta)] của những người được giải thoát nhờ sự hiểu biết chân chánh, đối với các bậc chánh trí giải thoát.

**māro** [chủ cách số ít của danh từ nam tính **māra**] ác ma, thiên ma.

**maggam** [đôi cách số ít của danh từ nam tính **magga**] lộ trình, đường đi.

**na** [phủ định từ] không, chẳng.

**vindati** [động từ hiện tại ngôi III số ít (√vid + ㅁ + a)] hiểu biết, cảm nhận.

\*

## Việt văn:

Với vị cụ túc giới  
an trú không dễ duôi  
chánh trí chơn giải thoát  
ác ma không biết đường.

(pc 57)

\*

## **Chuyển văn:**

***Sampannasīlanam appamādhaviharīnam sammadaññāvimuttānam māro  
tesam maggam na vindati.***

Đối với những vị giới cụ túc, an trú không dễ duôi, đã giải thoát nhờ chánh trí, ác ma không biết được con đường của các vị ấy.

\*

## **Lý giải:**

Các bậc A la hán là những vị có giới hạnh viên mãn do thanh tịnh phiền não, là những vị sống không dễ duôi có chánh niệm luôn luôn, là những vị đã giải thoát nhờ hiểu biết chân chánh, chứng đắc quả và níp bàn.

Khi đắc thánh đạo gọi là sự giải thoát do đoạn trừ phiền não (*samucchedavimutti*).

Khi đắc thánh quả gọi là sự giải thoát do an tịnh phiền não (*paṭippassaddhivimutti*).

Khi vô dư y níp bàn gọi là sự giải thoát do xuất ly tam giới (*nissaraṇavimutti*).

Hạng phàm phu và thánh quả hữu học sau khi mệnh chung còn có con đường tái sanh. Riêng bậc A la hán thì viên tịch không còn luân hồi nên ác ma không thể tìm biết con đường tái sanh của vị ấy nữa.

***Biên soạn giáo trình: Tỳ khuru Tuệ Siêu***